

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 173/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH****VỀ VIỆC PHÂN BỐ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ NGUỒN THU  
TỪ PHÁT HÀNH CÔNG TRÁI GIÁO DỤC NĂM 2005****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc số 12/1999/PL-UBTVQH10 ngày 27 tháng 4 năm 1999;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2005/NĐ-CP ngày 29/3/2005 của Chính phủ quy định việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc năm 2005 công trái giáo dục;*

*Căn cứ Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2005 số 07/2005/NQ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2005;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bố kế hoạch hỗ trợ nguồn thu từ phát hành công trái giáo

dục năm 2005 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện mục tiêu xóa phòng học 3 ca, phòng học tranh tre, nửa lá và kiên cố hóa trường học theo Danh mục đính kèm.

**Điều 2.**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo các địa phương triển khai xây dựng các công trình theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt, không để xảy ra tình trạng ứ đọng vốn.

2. Bộ Tài chính chỉ đạo Kho bạc Nhà nước thực hiện cấp phát, thanh toán kịp thời vốn cho các dự án, công trình ngay khi có khối lượng hoàn thành theo đúng Danh mục các công trình đã được phê duyệt.

**Điều 3.**

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được hỗ trợ nguồn thu từ phát hành

công trái giáo dục có trách nhiệm tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện triển khai các công trình một cách khẩn trương, dứt điểm, đảm bảo chất lượng và đúng chế độ quy định.

2. Ngoài nguồn hỗ trợ của Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bố trí cân đối nguồn ngân sách địa phương và huy động sự đóng góp tự nguyện của mọi thành phần kinh tế và nhân dân để thực hiện mục tiêu xóa bỏ phòng học 3 ca, phòng học tranh tre, nứa lá và kiên cố hóa trường học theo đúng Quyết định số 159/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt

Đề án thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

**Phan Văn Khải**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH**  
**PHÂN BỐ VỐN CÔNG TRÁI GIÁO DỤC NĂM 2005**  
**HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  
**KIÊN CỐ HÓA TRƯỜNG, LỚP HỌC**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 173/2005/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số thứ tự	Tên tỉnh, thành phố	Mức hỗ trợ
<b>I</b>	<b>Các tỉnh hỗ trợ 110 triệu/1 phòng học (17 tỉnh)</b>	
1	Hà Giang	222.990
2	Cao Bằng	198.670
3	Lào Cai	173.236
4	Bắc Cạn	23.620
5	Lai Châu	59.140
6	Điện Biên	139.800
7	Sơn La	187.260
8	Kon Tum	35.240
9	Gia Lai	59.930
10	Đắk Lắk	70.660
11	Đắk Nông (tỉnh Đắk Lắk đã cấp vượt sau khi tách tỉnh)	-
12	Lâm Đồng	37.280
13	Long An	73.010
14	Đồng Tháp	57.916
15	An Giang	51.332
16	Kiên Giang	55.122
17	Hậu Giang (tăng tỷ lệ hỗ trợ từ 70% lên 100%)	25.809
<b>II</b>	<b>Các tỉnh hỗ trợ 90 triệu/1 phòng học (29 tỉnh)</b>	
18	Hòa Bình	93.740
19	Lạng Sơn	72.380

Số thứ tự	Tên tỉnh, thành phố	Mức hỗ trợ
20	Tuyên Quang	125.450
21	Yên Bái	68.740
22	Thái Nguyên	29.792
23	Phú Thọ	45.336
24	Bắc Giang	9.272
25	Quảng Ninh	3.455
26	Thanh Hóa	166.696
27	Nghệ An	38.226
28	Hà Tĩnh	15.504
29	Quảng Bình	43.244
30	Quảng Trị	13.928
31	Thừa Thiên - Huế	25.100
32	Quảng Nam	14.750
33	Quảng Ngãi	38.510
34	Phú Yên	17.542
35	Bình Định	17.696
36	Khánh Hòa	2.225
37	Ninh Thuận	3.170
38	Bình Thuận	21.376
39	Tiền Giang	50.646
40	Vĩnh Long	15.620
41	Bến Tre	47.904
42	Cần Thơ	4.673
43	Trà Vinh	25.410
44	Sóc Trăng	10.300
45	Bạc Liêu	7.179
46	Cà Mau	81.650
<b>III</b>	<b>Các tỉnh hỗ trợ 70 triệu/1 phòng học (7 tỉnh)</b>	
47	Ninh Bình	1.776
48	Thái Bình	3.635
49	Bắc Ninh	510

Số thứ tự	Tên tỉnh, thành phố	Mức hỗ trợ
50	Hà Tây	17.395
51	Vĩnh Phúc	10.950
52	Bình Phước	2.208
53	Tây Ninh	1.652
IV	<b>Các tỉnh, thành phố không hỗ trợ kinh phí:</b> Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.618.655</b>

09688782

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng